TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **159**/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 16/9/2025
V/v*:"Tranh chấp ly hôn và nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

2. Bà Đinh Thị Phương Lan

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký TAND Khu vực 4 - An Giang.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 44/2025/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST –HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2025/QĐST-HNGĐ, Ngày 05 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Ngọc G**, sinh ngày 25/9/1991 (vắng mặt)

Căn cước số: 091191002xxx, cấp ngày 22/01/2024.

Địa chỉ: ấp S, xã M, tỉnh An Giang.

2/ Bị đơn: Anh Danh T, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Số định danh cá nhân: 09108302xxxx

Địa chỉ: ấp S, xã M, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2025, bản tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc G trình bày như sau:*

Chị Huỳnh Thị Ngọc G và Anh Danh T tự tìm hiểu yêu thương nhau, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số xx/2009 ngày 05/02/2009. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh

phúc và sinh được 01 người con chung, sau khi sinh con hai vợ chồng thường bất đồng quan điểm, thường cãi vã, sống chung nhà mà không ai nói chuyện với ai. Mặc dù đã cố gắng bỏ qua mâu thuẫn, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không được, do mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục chung sống nên hai vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay đã gần 10 năm, hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng. Nay nhận thấy cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Huỳnh Thị Ngọc G yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với Anh Danh T.

Về con chung: Quá trình hôn nhân chị Huỳnh Thị Ngọc G và Anh Danh T có với nhau 01 người con chung là Huỳnh Tấn T, sinh ngày 27/01/2012 (con lấy theo họ mẹ) hiện đang do chị Huỳnh Thị Ngọc G chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn chị Huỳnh Thị Ngọc G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu Anh Danh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình hôn nhân chị Huỳnh Thị Ngọc G và Anh Danh T không có tài sản chung, không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho Anh Danh T đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên Anh Danh T không có bản khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không đến Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không có mặt tham gia phiên tòa nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc G yêu cầu được ly hôn và nuôi con với bị đơn Anh Danh T, bị đơn có nơi cư trú tại xã M, tỉnh An Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Thị Ngọc G có đơn xin xét xử vắng mặt, Anh Danh T đã được Tòa án tống đạt thủ tục xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Huỳnh Thị Ngọc G và Anh Danh T tự tìm hiểu yêu thương nhau, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18/2009 ngày 05/02/2009 nên hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Ngọc G và Anh Danh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình hôn nhân, chị Huỳnh Thị Ngọc G và Anh Danh T phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp trong đời sống hôn nhân nên đã sống ly thân, hiện mỗi người đã có cuộc sống riêng. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để hai anh chị đoàn tụ nhằm xây dựng hạnh phúc gia đình, tuy nhiên Anh Danh T vắng mặt không tham dự. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị Huỳnh Thị Ngọc G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn đơn phương. Chị Huỳnh Thị Ngọc G cung cấp cho Tòa án văn bản xác nhận của Ban lãnh đạo khu phố Sơn Tiến, xã Mỹ Thuận với nội dung chị Huỳnh Thị Ngọc G và Anh Danh T không còn sống chung với nhau gần 10 năm nay.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau..."*.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Ngọc G và Anh Danh T kéo dài mà không có biện pháp hàn gắn tự đoàn tụ, tình cảm vợ chồng của chị Huỳnh Thị Ngọc G đối với Anh Danh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Huỳnh Thị Ngọc G là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Huỳnh Thị Ngọc G đối với Anh Danh T.

[3.2] Về quan hệ con chung: Chị Huỳnh Thị Ngọc G và Anh Danh T có 01 người con chung là cháu Huỳnh Tấn T, hiện đang do chị Huỳnh Thị Ngọc G chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn, chị Huỳnh Thị Ngọc G yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡngcon chung cho đến tuổi trưởng thành, quá trình tố tụng Anh Danh T không có ý kiến phản đối. Tòa án tiến hành ghi nhận nguyện vọng của cháu Huỳnh Tấn T thì cháu có

nguyện vọng được sống cùng mẹ là chị Huỳnh Thị Ngọc G. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở giao con chung cho chị Huỳnh Thị Ngọc G nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Huỳnh Thị Ngọc G xác định có thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con để nuôi dưỡng con chung nên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Thị Ngọc G trình bày quá trình hôn nhân chị và Anh Danh T không tài sản chung và không có nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, quá trình tố tụng Anh Danh T không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp thì được quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3.4] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Huỳnh Thị Ngọc G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147; 227; 228; 266; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc G.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Huỳnh Thị Ngọc G được ly hôn với Anh Danh T.

2. *Về quan hệ con chung:* Giao cháu Huỳnh Tấn T, sinh ngày 27/01/2012 cho chị Huỳnh Thị Ngọc G nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) cũng theo nguyện vọng của cháu.

Anh Danh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được cản trở;

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Huỳnh Thị Ngọc G xác định có đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Huỳnh Thị Ngọc G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp sau này có tranh chấp thì được quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị Huỳnh Thị Ngọc G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 00161xx ngày 17/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy chị Huỳnh Thị Ngọc G đã nộp đủ án phí.

5. *Quyền kháng cáo:* Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS Khu vực 4 - An Giang;
- Phòng THA dân sự Khu vực 4 - An Giang;
- UBND xã Mỹ Thuận, tỉnh An Giang;
(KH số 18/2009 – ngày 5/2/2009 TT Sóc Sơn cũ)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Phúc